

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị **Võ Thị Minh C** và anh **Lê Văn N**;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày **01 tháng 08 năm 2024** về việc yêu cầu ly hôn của chị **Võ Thị Minh C**;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày **06 tháng 8 năm 2024** về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị **Võ Thị Minh C**; sinh năm: 1980; địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.**

Người bị kiện: Anh **Lê Văn N**, sinh năm: 1972; địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo quy định tại Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày **06 tháng 8 năm 2024** có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày **06 tháng 8 năm 2024**, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Võ Thị Minh C** và anh **Lê Văn N**.

- Về con chung: Giao con chung là cháu **Lê Vũ Nhật M**, sinh ngày: 09/04/2012 cho chị **Võ Thị Minh C** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Còn đối với cháu **Lê Vũ Bảo N1**, sinh ngày: 21/04 /2005 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị **Võ Thị Minh C** và anh **Lê Văn N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh **Lê Văn N** không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

- *Về cấp dưỡng*: Anh **Lê Văn N** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị **Võ Thị Minh C** mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi cháu **Lê Vũ Nhật M**, sinh ngày: 09/04/2012 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Hình thức và phương thức cấp dưỡng: Anh **Lê Văn N** chuyển khoản vào ngày mùng 1 hàng tháng qua số tài khoản 37111215011169 mang tên **Võ Thị Minh C** tại **Ngân hàng N2 (A) chi nhánh Đ**.

Kể từ ngày chị **Võ Thị Minh C** có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên nếu anh **Lê Văn N** không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị **Võ Thị Minh C** và anh **Lê Văn N** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chi phí*: Chị **Võ Thị Minh C** và anh **Lê Văn N** thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- UBND phường Trường Thi;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Bùi Đình Thông